

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2018
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huỳnh T, sinh năm 1985; (*có mặt*)

Địa chỉ: số 79/1, tỉnh lộ 852, khóm TH, phường A, thành phố S, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Châu Kim T1, sinh năm 1977; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp , xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh T trình bày: Chị và anh Châu Kim T1 không tìm hiểu nhau trước, được cha mẹ anh T1 đến hỏi cưới và chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S vào ngày 21/3/2007. Sau khi cưới chị T về sống nhà anh T1 được khoảng 01 tháng thì vợ chồng cùng về sống chung với cha mẹ ruột của chị T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên đi chơi, không lo làm ăn, vợ chồng không hiểu nhau nên có xảy ra cự cãi. Vào tháng 11/2007 anh T1 nói với chị là về nhà cha mẹ ruột đám giỗ và đi luôn không về, chị có liên lạc nhưng không được, khoảng 01 năm sau anh T1 trở về yêu cầu được tiếp tục chung sống nhưng chị T không đồng ý và

vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không liên lạc với nhau nên chị xét thấy không còn tình cảm yêu thương anh T1, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Châu Kim T1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do và không nộp bản tự khai cho Tòa án nên ngày 19/12/2017 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/01/2018, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến ngày 15/01/2018 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử lần hai vào ngày 31/01/2018 và niêm yết hợp lệ các văn bản cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đảm bảo thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T ly hôn anh T1. Buộc chị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Huỳnh T và anh Châu Kim T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S vào ngày 21/3/2007 nên hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 tuy là anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không có thời gian tìm hiểu nhau trước nên khi về chung sống với nhau cả hai không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau và vợ chồng đều không có nghề nghiệp ổn định dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xảy ra cự cãi nên vợ chồng kết hôn tháng 3/2007 đến tháng 11/2007 đã sống ly thân đến nay. Tuy anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, xem như

anh T1 đã chấp nhận yêu cầu của chị T nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Châu Kim T1 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huỳnh T. Chị Trần Thị Huỳnh T được ly hôn anh Châu Kim T1.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản và nợ chung: chị Trần Thị Huỳnh T không yêu cầu nên không xét đến.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Huỳnh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại lai thu số 0013017 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thùy Linh

